ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:2941/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông; thủ tục hành chính liên thông trong các lĩnh vực: Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành bị bãi bỏ lĩnh vực: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Khí tượng thủy văn; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm;Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 904/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 10 thủ tục hành chính không liên thông và 04 thủ tục hành chính liên thông cấp tỉnh trong các lĩnh vực: Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC(KSTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG; 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG TRONG CÁC LĨNH VỰC: TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT; TRỒNG TRỌT; QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (10 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (09 TTHC)								
1	STT 07-I; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND, 28/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón **1.007928**	20 ngày làm việc	**1. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón**				Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 19,25 ngày làm việc)**, giải quyết cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					3.3. Chuyên viên giải quyết: 18,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			05 ngày làm việc	**2. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận**				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 4,25 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
2	STT 16-I; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND, 28/7/2025	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc **1.012070**	06 ngày làm việc	**1. Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng**				Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 05 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			15 ngày làm việc	**2. Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.**				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 14 ngày làm việc,** cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					3.3. Chuyên viên giải quyết: 13 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
3	STT 17-I; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND, 28/7/2025	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng **1.012063**	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 4,25 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
4	STT 18-I; Mục I, Quyết định số 917/QĐ-UBND, 28/7/2025	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng **1.012064**	3,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 2,5 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
5	STT 19-I; Mục I, Quyết định số	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 4,25 ngày làm việc**,	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2419/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
	917/QĐ-UBND, 28/7/2025	nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng **1.012062**			cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	quả: 0,25 ngày làm việc		UBND ngày 03/6/2026
6	-	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 4,25 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 22/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
		2.002338			Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
7	-	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch **2.002339**	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ**: 2,25 ngày làm việc**, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 1,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 22/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (01 TTHC)								
8	STT 22-II, Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 28/7/2025	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ	6,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ: **5,5 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
		nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. **1.007994**			trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (02 TTHC)								
9	-	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi	03 ngày làm việc	**10.1. Đối với nhóm sản phẩm động vật trên cạn tươi, sống, ướp lạnh dùng làm thực phẩm**				Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 02/7/2026
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Chăn nuôi và Thú y)*** giải quyết hồ sơ: **02 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**.Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
		trường **1.003814**			**3.4**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			03 ngày làm việc	**10.2. Đối với nhóm sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm**				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ: **02 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			03 ngày làm việc	**10.3. Đối với nhóm sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm; sản phẩm động vật trên cạn đông lạnh dùng làm thực phẩm**				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)*** giải quyết hồ sơ: **02 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
10	-	Kiểm tra nhà	07 ngày	**11.1. Đối với nhóm sản phẩm động vật trên cạn tươi, sống, ướp lạnh dùng**				Quyết

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
		nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường **2.001604**	làm việc	**làm thực phẩm**				định số 2841/QĐ-UBND ngày 02/7/2026
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Chăn nuôi và Thú y)*** giải quyết hồ sơ: **06 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**.Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
				11.2. Đối với nhóm sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*** giải quyết hồ sơ: **06 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý:	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.3**. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.		
				11.3. Đối với nhóm sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm; sản phẩm động vật trên cạn đông lạnh dùng làm thực phẩm				
				0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường ***(Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản*)** giải quyết: **06 ngày làm việc**, cụ thể: **3.1**. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **3.2**. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên TTHC	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh cấp tỉnh, cấp xã)	
					3.3. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. **3.4**. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. **3.5**. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
Tổng cộng: 10 TTHC								

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (04 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (04 TTHC)						
1	STT 03, Quyết định số	Thu hồi Thẻ giám định	13 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Bước 1**. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 2412/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	877/QĐ-UBND, 11/3/2026	viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân **1.011999**			**(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)**	UBND ngày 03/6/2026
				9,5 ngày làm việc	**Bước 2**. Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)** giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,5 ngày làm việc. 2.6. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.7. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	**Bước 3**. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 2,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
2	STT 04, Quyết định số 877/QĐ-UBND, 11/3/2026	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	13 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Bước 1**. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)**	Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				9,5 ngày làm việc	**Bước 2**. Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)** giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		1.012003			công giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,5 ngày làm việc. 2.6. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.7. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	**Bước 3**. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 2,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
3	STT 05, Quyết định số 877/QĐ-UBND, 11/3/2026	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng **1.012004**	08 ngày làm việc	**3.1. Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng**		Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				0,25 ngày làm việc	**Bước 1**. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)**	
				4,75 ngày làm việc	**Bước 2**. Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)** giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công giải quyết: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					làm việc. 2.3. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc. 2.6. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.7. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	**Bước 3**. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 2,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
			3,5 ngày làm việc	**3.2. Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**		
				0,25 ngày làm việc	**Bước 1**. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)**	
				2,25 ngày làm việc	**Bước 2**. Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)** giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công giải quyết: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.3. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc. 2.6. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.7. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
				01 ngày làm việc	**Bước 3**. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 0,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
4	STT 06, Quyết định số 877/QĐ-UBND, 11/3/2026	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân **1.012000**	13 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Bước 1**. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)**	Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				9,5 ngày làm việc	**Bước 2**. Sở Nông nghiệp và Môi trường **(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)** giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					kết quả trình Sở: 0,5 ngày làm việc. 2.6. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.7. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	**Bước 3**. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 2,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã, phường: 0,5 ngày làm việc.	
Tổng cộng: 04 TTHC						